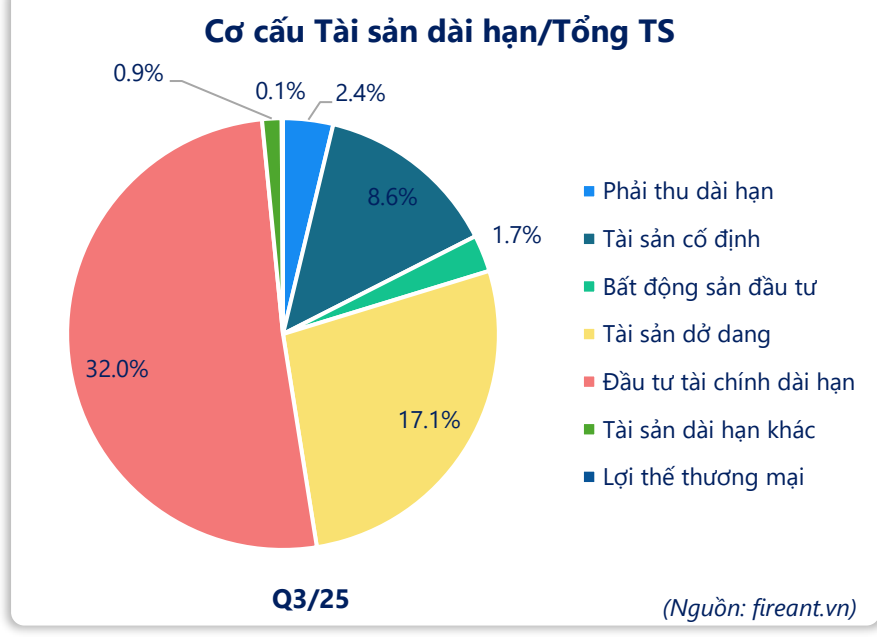
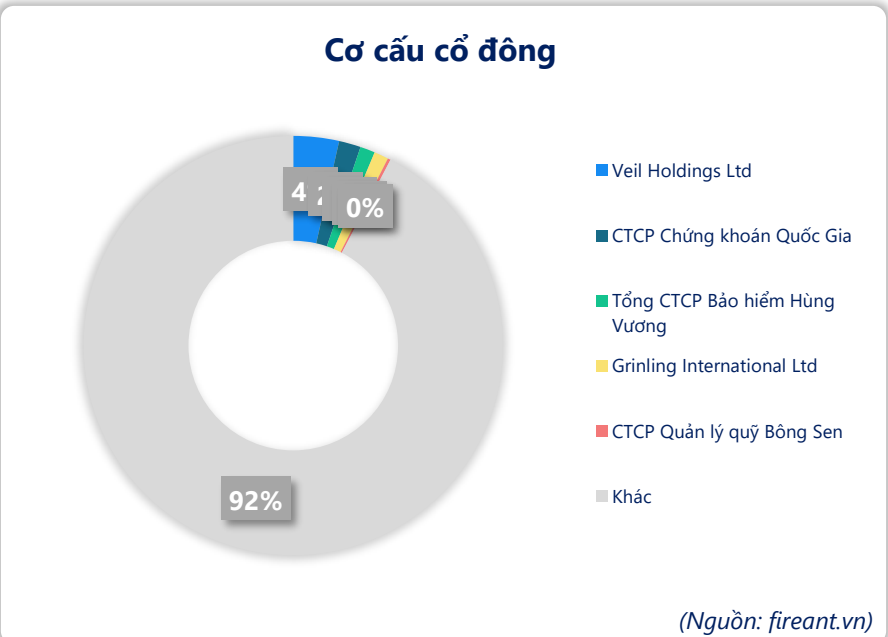
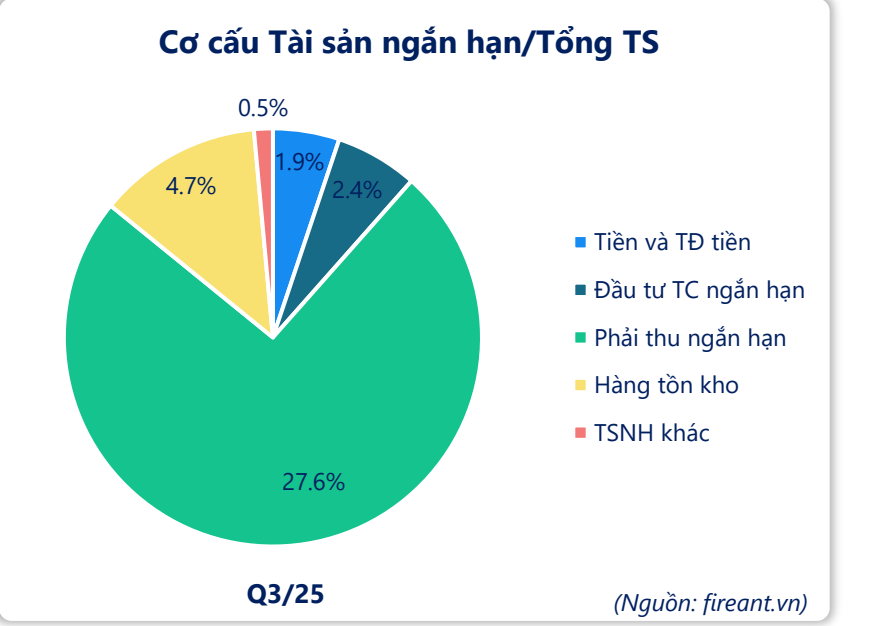
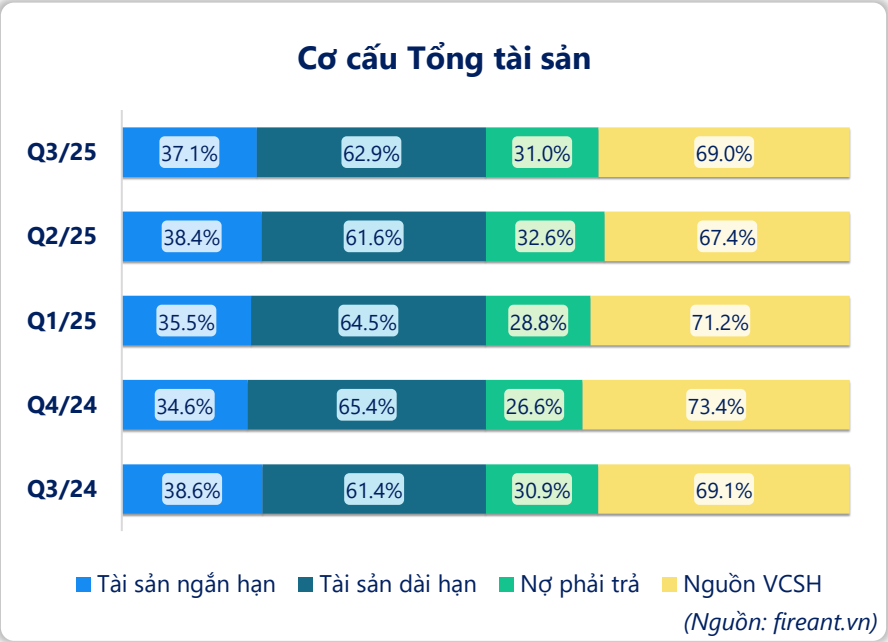
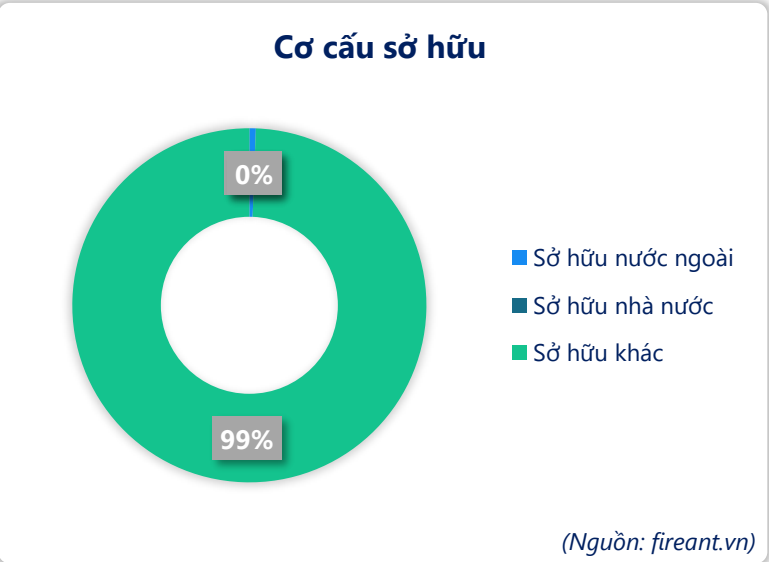
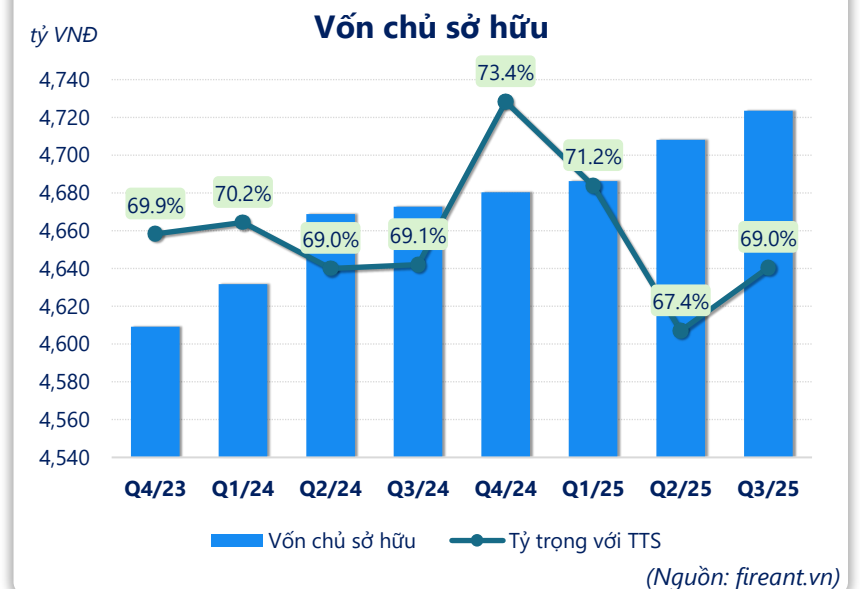
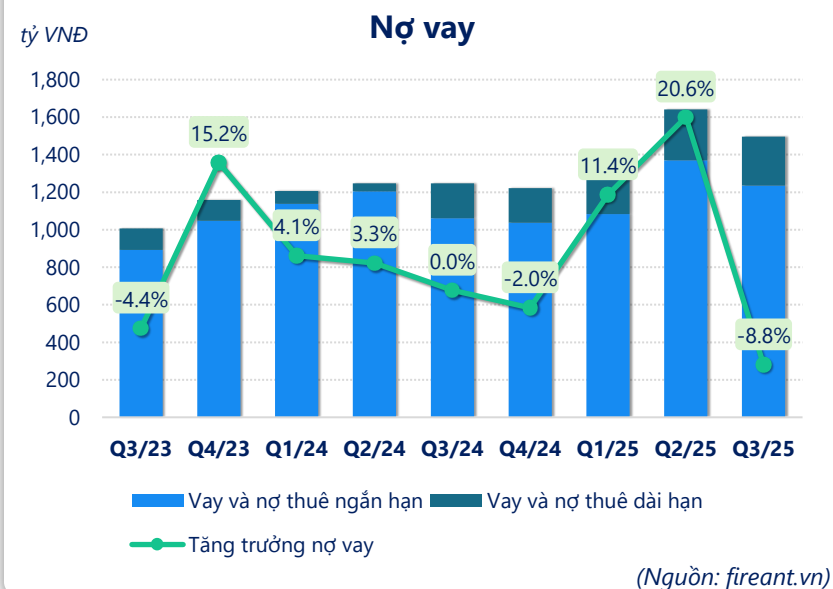
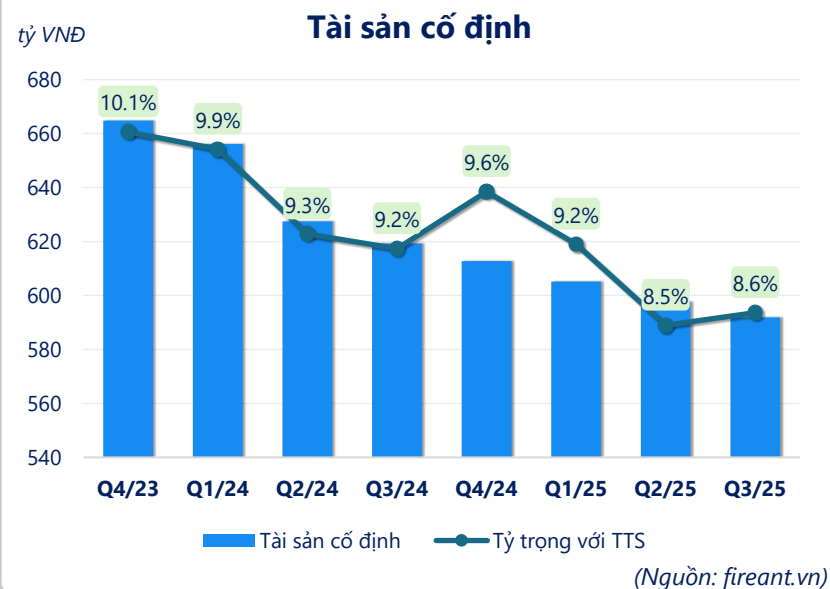
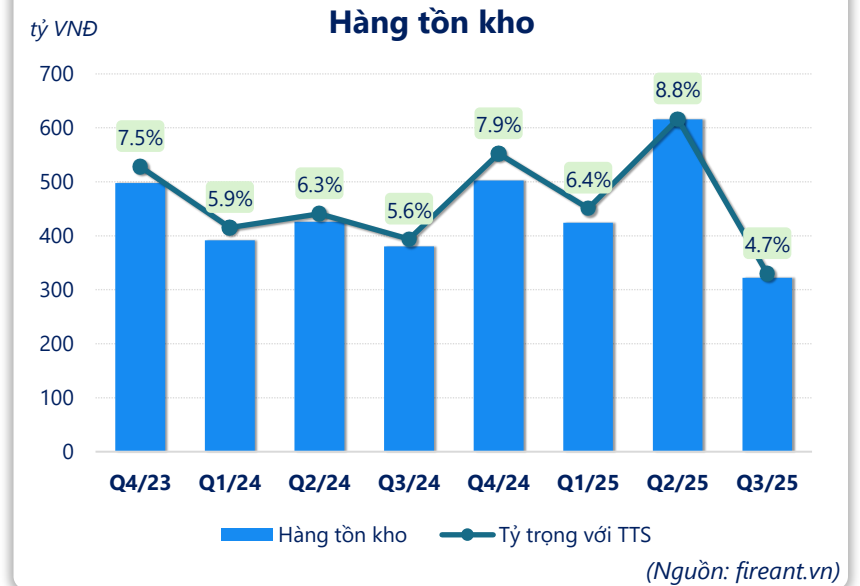
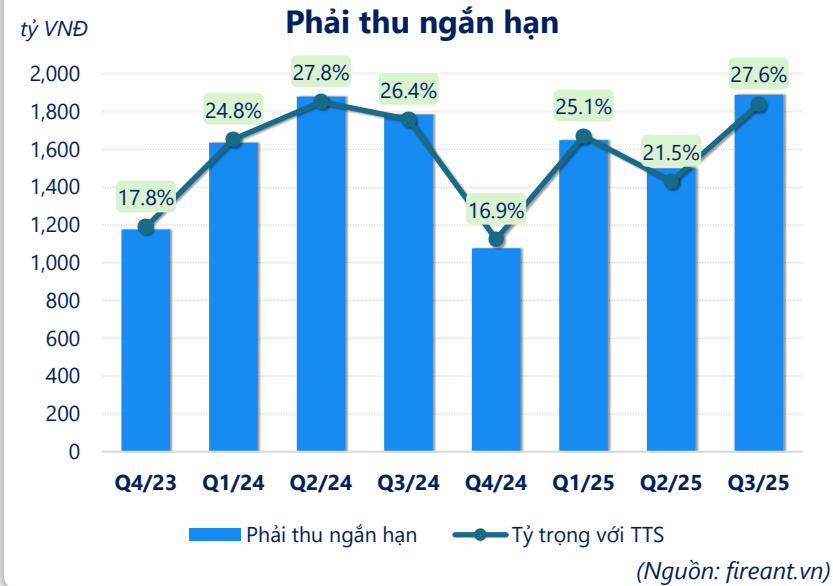
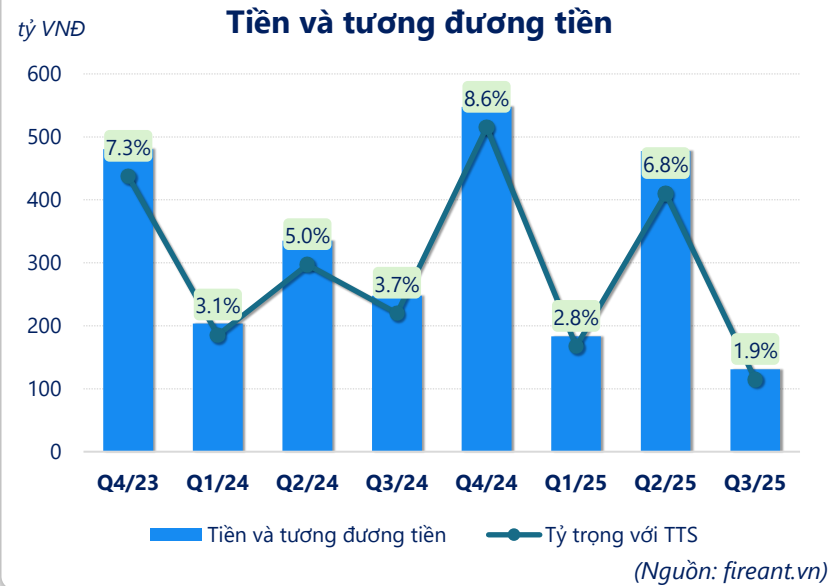
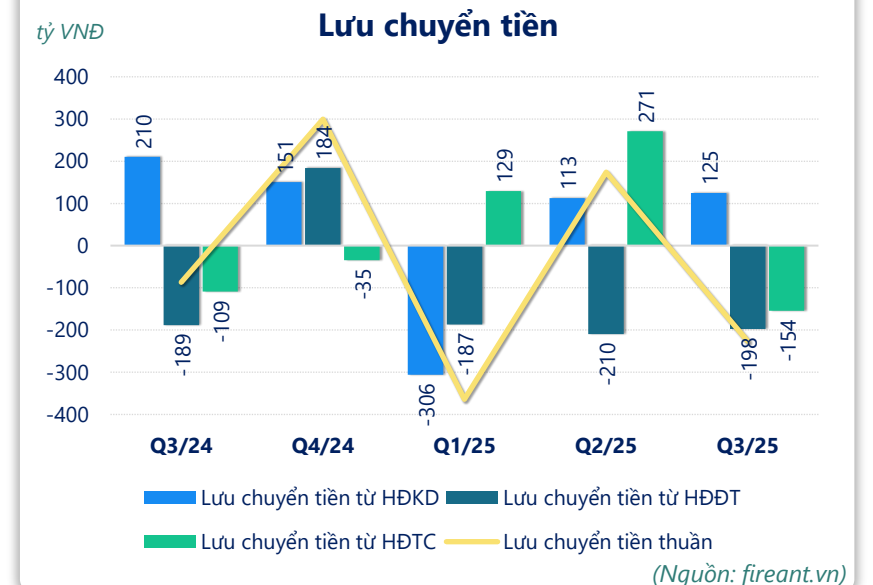
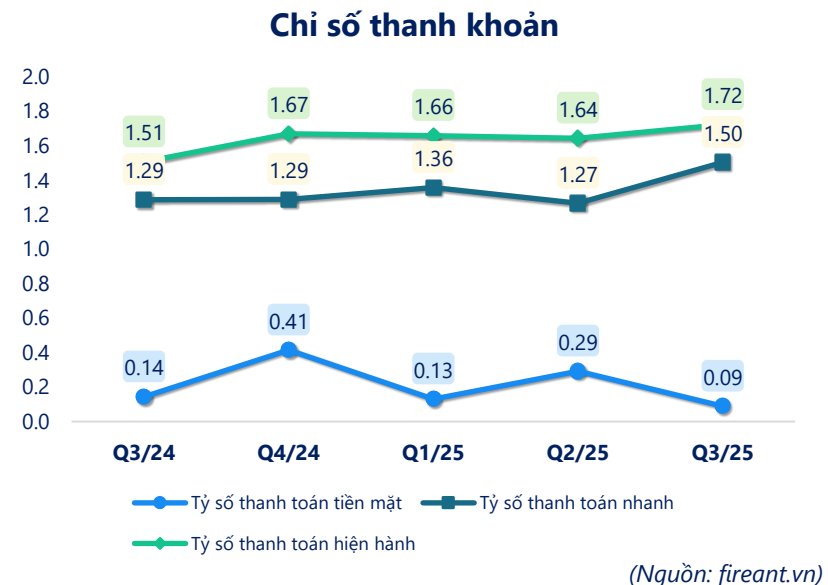
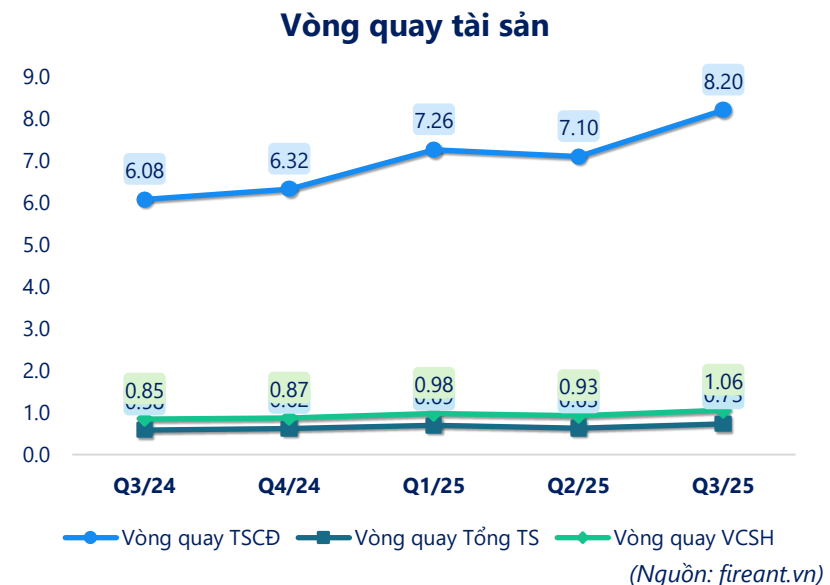
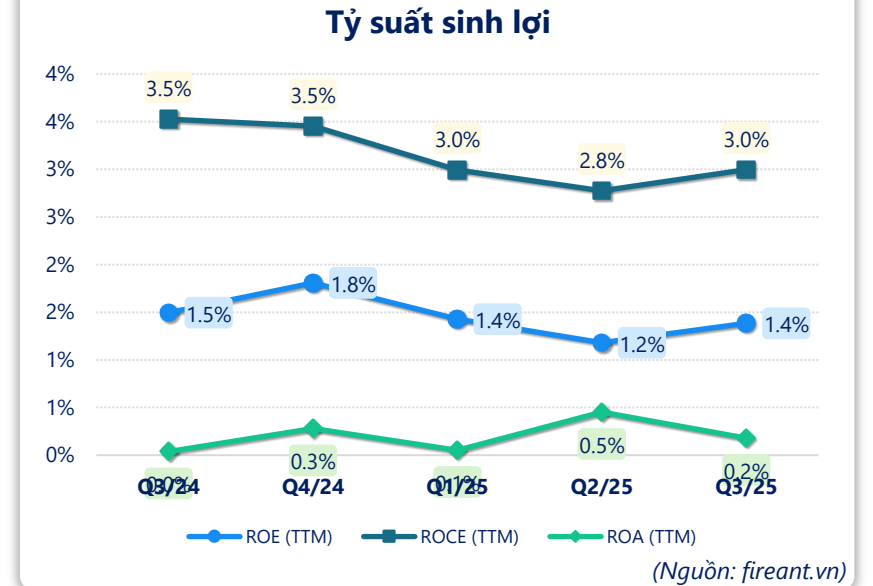
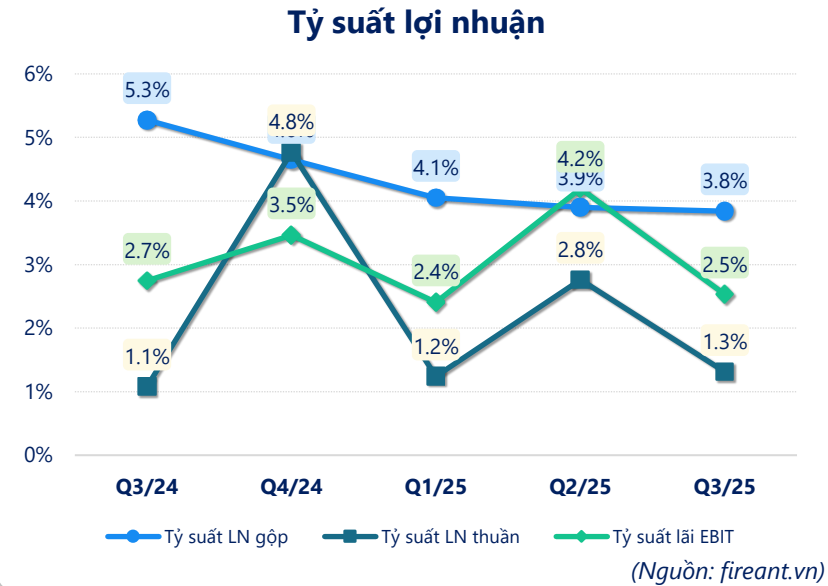
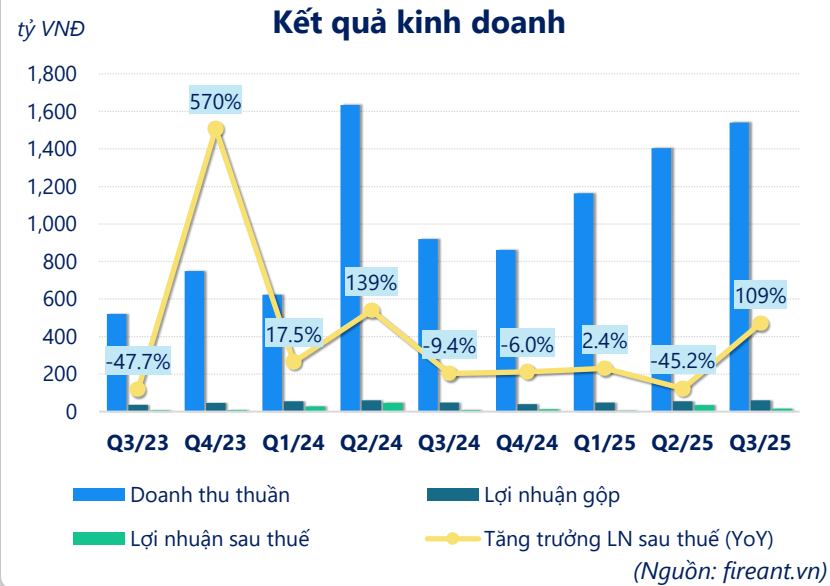


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,000
SL cổ phiếu LH		379,960,971
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,911,260
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,869
P/E		44.1
EPS		171

	YTD	1T	3T	6T
SAM	3.0%	-17.9%	14.7%	4.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,843	6,376	7.3%
Tài sản ngắn hạn	2,542	2,204	15.3%
Tiền và tương đương tiền	131	547	-76.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	162	29.6	449%
Phải thu ngắn hạn	1,889	1,076	75.6%
Hàng tồn kho	322	503	-35.9%
Tài sản ngắn hạn khác	37.1	48.8	-24.1%
Tài sản dài hạn	4,301	4,172	3.1%
Phải thu dài hạn	161	120	34.0%
Tài sản cố định	592	613	-3.4%
Bất động sản đầu tư	119	123	-3.3%
Tài sản dở dang	1,171	1,113	5.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,192	2,128	3.0%
Tài sản dài hạn khác	62.9	69.5	-9.4%
Lợi thế thương mại	4.11	4.70	-12.5%
Nợ phải trả	2,119	1,695	25.0%
Nợ ngắn hạn	1,476	1,320	11.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,235	1,037	19.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.3	81.9	-19.0%
Nợ dài hạn	643	375	71.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	261	185	41.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,724	4,681	0.9%
Vốn chủ sở hữu	4,724	4,681	0.9%
Vốn điều lệ	3,800	3,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	919	861	1,164	1,404	1,540
Giá vốn hàng bán	870	821	1,117	1,349	1,481
Lợi nhuận gộp	48.5	40.0	47.1	54.7	59.1
Doanh thu HĐTC	15.5	34.1	15.9	30.6	25.3
Chi phí TC	13.3	21.6	17.8	22.3	20.5
Chi phí lãi vay	14.6	13.8	15.3	20.7	18.8
LN trong công ty LKLD	-7.32	28.4	2.24	11.8	-2.73
Chi phí bán hàng	14.3	14.3	13.9	15.9	18.2
Chi phí QLDN	19.1	25.4	19.2	20.2	22.8
LN thuần từ HĐKD	9.94	41.1	14.4	38.8	20.2
Lợi nhuận khác	0.71	-25.0	-1.74	-0.59	0.01
LN trước thuế	10.7	16.0	12.7	38.2	20.2
Lợi nhuận sau thuế	8.14	12.3	5.66	33.9	15.5
LNST của CĐ cty mẹ	2.57	18.1	3.52	31.1	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	210	151	-306	113	125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-189	184	-187	-210	-198
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-109	-34.9	129	271	-154
Tiền đầu kỳ	335	248	547	183	357
Lưu chuyển tiền thuần	-87.1	300	-364	174	-227
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.06	0	0	0
Tiền cuối kỳ	248	547	183	357	131

(Nguồn: fireant.vn)